TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - LH phúc

Bản án số: 743/2021/LĐ-PT
Ngày: 29-12-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2021, ngày 03 tháng 12 năm 2021 và ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLPT-LĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 1929/2020/LĐ-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình TLH, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3811/2021/TLPT-LĐ ngày 21/10/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa Số 11644/2021/QĐ-PT ngày 03/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty HX
Địa chỉ: P, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông DV, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
1. Ông MD, sinh năm: 1968;
2. Ông NX, sinh năm: 1958;
3. Ông QN, sinh năm: 1989;
4. Ông VH, sinh năm 1962;
Cùng địa chỉ: P, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 07/7/2021); Có mặt.

- Bị đơn: Ông LH, sinh năm: 1963; địa chỉ: L, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông VD, sinh năm: 1971; địa chỉ: M, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số 019346 ngày 05/11/2018 do Văn phòng công chứng Tân Bình chứng nhận); Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông TH, địa chỉ: O, Thành phố Hồ Chí Minh, là luật sư của Văn phòng luật sư TH thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - Công ty HX.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2011, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 05/8/2015, ngày 15/3/2017, Đơn rút một số yêu cầu khởi kiện lập ngày 17/10/2019, đơn làm rõ yêu cầu khởi kiện đã được rút, yêu cầu khởi kiện được giữ nguyên lập ngày 02/11/2020, các bản tự khai và các biên bản hòa giải, những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/5/2005, Công ty HX(sau đây gọi tắt là Công ty HX) đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 26/HĐLĐ-STJC với ông LH. Ngày 03/4/2006, Công ty HX ban hành quyết định số 339/QĐ-STJC bổ nhiệm ông LH giữ chức vụ giám đốc chi nhánh Xí nghiệp dịch vụ vận tải HX Sài Gòn.

Trong quá trình giữ chức vụ, ông LH được Công ty giao khoán cá nhân. Ông LH đã chấp nhận việc giao khoán này. Đến ngày 30/7/2010, ông LH có thư đề nghị chấm dứt chế độ khoán cá nhân từ ngày 01/8/2010. Ngày 02/8/2010, ban lãnh đạo Công ty và ông LH có biên bản làm việc xác định ông LH có trách nhiệm cá nhân thanh toán và giải quyết mọi công nợ của Xí nghiệp, ông LH cam kết giải quyết những công nợ này trước ngày 31/10/2010. Ngày 12/10/2010, ông LH có văn bản đề nghị bàn giao công tác và nghỉ việc gửi đến Công ty. Do ông LH chưa thực hiện việc thanh lý, bàn giao toàn bộ công việc và chưa giải quyết dứt điểm vấn đề tài chính, công nợ của xí nghiệp theo quy định của pháp luật và các quy chế của Công ty nên Công ty không đồng ý đơn nghỉ việc của ông LH. Tuy nhiên, ông LH vẫn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 29/11/2010. Công ty đã nhiều lần gửi văn bản mời ông LH đến bàn giao công việc và đối chiếu công nợ nhưng ông LH không đến.

Việc khoán cá nhân đã bắt đầu khoảng từ năm 2000. Trước đây, Công ty có khoán cá nhân với ông LH, sau khi kết thúc hợp đồng khoán ký năm 2005 thì công ty chưa ký hợp đồng lại nhưng vẫn thực hiện các hoạt động khoán cá nhân. Dù không ký hợp đồng khoán cá nhân nhưng hàng năm công ty vẫn có quyết định giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho ông LH.

Trong văn bản ngày 30/7/2010, ông LH khẳng định đang áp dụng chế độ khoán cá nhân, ông LH là người nhận khoán cá nhân đối với Công ty. Ông LH xin chuyển sang chế độ khoán kinh doanh tập thể bắt đầu từ ngày 01/08/2010. Ông LH trình bày do không nhận thức và chịu sức ép nên đã không hiểu, ngộ nhận về trách nhiệm khoán cá nhân tại biên bản họp ngày 16/10/2009, phía công ty không đồng ý vì ông LH không bị hạn chế năng lực hành vi để không hiểu trách nhiệm của ông. Tại biên bản làm việc ngày 02/8/2010, ông LH cũng đã thừa nhận các khoản nợ.

Công ty miễn nhiệm ông LH do sức khỏe ông LH không đảm bảo, trong quyết định miễn nhiệm có ghi rõ. Tới hiện tại, công ty chưa chấm dứt hợp đồng lao động với ông LH và vẫn duy trì đóng bảo hiểm xã hội cho ông LH.

Công ty khởi kiện yêu cầu buộc ông LH phải:

1. Bàn giao toàn bộ công việc với cương vị từng là giám đốc xí nghiệp, cụ thể là đối chiếu công nợ và ký xác nhận biên bản bàn giao về tài chính kế toán.

2. Ông LH có nghĩa vụ giải quyết mọi công nợ của xí nghiệp dịch vụ vận tải HX Sài Gòn từ ngày 29/11/2010 trở về trước vì ông LH đã được công ty giao khoán cá nhân để kinh doanh, quản lý Xí nghiệp, gồm:

2.1. Phải trả cho các nhà cung cấp dịch vụ:

2.1.1 Ga Sóng thần: 40.900.000 đồng

2.1.2 Công ty cổ phần Hàng Hải và đầu tư công nghiệp VINASHIN: 25.000.000 đồng.

2.1.3 Công ty cổ phần đầu tư – thương mại – dạy nghề Trung Nam Việt: 12.024.285 đồng.

2.1.4 Xí nghiệp cơ khí xếp dỡ Sài Gòn: 30.000.000 đồng

2.1.5 Công ty cổ phần thương mại và hàng hải Hà Nội: 200.500.000 đồng

2.1.6 Công ty TNHH vận tải biển VINATCO: 50.400.000 đồng

2.1.7 Công ty TNHH nội thất Tây Cửu Long: 45.125.200 đồng

2.1.8 Xí nghiệp DV vận tải và thương mại đường sắt Phía Nam: 606.070.000 đồng

2.1.9 Công ty cổ phần vận tải quốc tế Vĩnh Lộc Phát: 77.327.360 đồng

Tổng cộng: 1.087.346.645 đồng

2.2 Phải trả nội bộ (người nhận khoán nợ cho Công ty HX):

2.2.1 Trả khấu hao tài sản tháng 8/2010: 28.982.000 đồng

2.2.2 Trả phí quản lý doanh nghiệp tháng 7/2010, 8/2010: 59.753.832 đồng

2.2.3 Trả BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn từ tháng 01/2010 đến tháng 10/2010: 450.867.146 đồng

2.2.4 Trả bảo hiểm y tế cá nhân: 2.329.803 đồng

2.2.5 Trả nội bộ về thuế: 1.943.775 đồng

2.2.6 Tiền thuế đất năm 2009 và 2010: 86.307.894 đồng

2.2.7 nộp bù lỗ kinh doanh do nhận khoán cá nhân: 216.003.565 đồng

Tổng cộng: 846.188.015 đồng

2.3 Các khoản thanh toán nội bộ (Công ty và người lao động)

2.3.1 Trả người lao động tiền lương tháng 10/2011: 45.712.437 đồng

2.3.2 Trả quỹ phúc lợi: 13.036.682 đồng

2.3.3 Trả quỹ đầu tư phát triển: 148.533.139 đồng

2.3.4 Trả quỹ dự phòng tài chính: 20.803.814 đồng

2.3.5 trả thêm cho công ty tiền hỗ trợ nạn nhân vụ cháy: 15.000.000 đồng

Tổng cộng: 243.086.072 đồng

2.4 Nợ phát sinh sau khi nghỉ việc:

2.4.1 Nợ Công ty TNHH thương mại cơ khí Tân Thanh (trả vào ngày 10/6/2013): 91.341.500 đồng

2.4.2 Bồi thường nạn nhân vụ cháy là ông Phạm Mạnh Thái, tiền do bà Phạm Thị Huệ nhận vào ngày 08/01/2014: 219.000.000 đồng

2.4.3 Bồi thường nạn nhân vụ cháy là ông Nguyễn văn Hoàng, tiền do ông Đặng văn Hiến nhận vào ngày 21/02/2014: 243.000.000 đồng.

2.4.4 Trả nợ vốn vay ông Nguyễn Phát theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố ngày 13/4/2015: 1.000.000.000 đồng

2.4.5 Lãi vay ông Nguyễn Phát theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2015: 408.750.000 đồng

2.4.6 Trả Công ty cổ phần Siêu Thanh vào ngày 13/5/2015 theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội: 70.035.891 đồng

Tổng cộng: 2.032.127.391 đồng

2.5 Nợ phải thu

2.5.1. Công ty cổ phần vận chuyển Châu á Cát Linh: 126.050.000 đồng

2.5.2. Công ty TNHH dịch vụ giao nhận hành hóa xuất nhập khẩu Hưng Thịnh V.N: 582.212.332 đồng

2.5.3. Công ty TNHH vận tải dịch vụ Cường Thịnh: 11.000.000 đồng

2.5.4. Công ty TNHH thương mại quốc tế Thùy Linh: 27.213.525 đồng

2.5.5. Chi nhánh công ty cổ phần dịch vụ vận tải đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh: 6.508.588 đồng

2.5.6. Công ty cổ phần khoáng sản VIGLACERA: 30.000.000 đồng

2.5.7. Công ty TNHH vận tải Thành Danh: 289.278.596 đồng

2.5.8. Xí nghiệp dịch vụ vận tải và thương mại đường sắt Hà Nội: 38.602.500 đồng

2.5.9. Công ty Philip Morris Việt Nam S.A-CN Việt Nam: 440.000 đồng

2.5.10. Công ty TNHH thương mại phát triển công nghệ Hoa Hướng Dương: 630.090đồng

2.5.11. Công ty cổ phần dịch vụ thương mại vận tải Lộc Phú: 104.700.000 đồng

Tổng cộng: 1.216.635.631 đồng.

2.6 Các khoản phải thu của các đối tượng khác tại mục 1 phần I của phụ lục: Thuế thu nhập cá nhân của ông Nguyễn Phát từ việc nhận lãi vay: 707.833 đồng; Phí Bảo hiểm y tế cá nhân phải nộp do nghỉ việc - Kỳ Minh Trang: 442.764 đồng; Phí Bảo hiểm y tế các nhân phải nộp do nghỉ việc của Lê Ngọc Thanh: 553.455 đồng; Phí Bảo hiểm y tế các nhân phải nộp do nghỉ việc của Hoàng Việt Tân: 442.764 đồng; Phí Bảo hiểm y tế các nhân phải nộp do nghỉ việc của Đào Quốc Thắng: 352.800 đồng; phí Bảo hiểm y tế các nhân phải nộp do nghỉ việc của Lê Duy Ân: 352.800 đồng; Phí Bảo hiểm y tế các nhân phải nộp do nghỉ việc của Hoàng Hồng Hà: 110.691 đồng. Tổng cộng 4.076.091 đồng.

2.7 Các khoản phải thu khác

2.7.1. Tiền xí nghiệp ông LH lấy để bồi thường do hàng bị cháy: 3.229.276.787 đồng

2.7.2. Phải thu nợ từ việc ứng trước nhân viên xí nghiệp là ông Huỳnh Lê Trung: 1.181.463.183 đồng

2.7.3. Phải thu nợ từ việc ứng trước nhân viên xí nghiệp là bà Phạm Minh Châu: 198.000.000 đồng.

2.7.4. Ký quỹ Công ty cổ phần khoáng sản VIGLACERA: 150.000.000 đồng.

Tổng cộng: 4.758.739.970 đồng

2.8 Phải thu do vi phạm chế độ tài chính kế toán: 14.465.188.006 đồng.

3. Ông LH phải thanh toán các khoản lãi là 6.561.961.228 đồng bao gồm:

- Tiền lãi trước khi ông LH nghỉ việc trên các khoản nợ gốc 7.064.649.688 đồng tính từ ngày 01/11/2010 đến ngày 16/10/2019 theo lãi suất 9%/năm cụ thể: 7.064.649.688 đồng x 9% x 10 năm = 6.358.184.719 đồng.

- Tiền lãi sau khi ông LH nghỉ việc trên số nợ phát sinh 1.032.127.391 đồng tính từ ngày 01/7/2015 đến 16/10/2019 tính theo lãi suất 9%/năm cụ thể: 1.032.127.391 đồng x 9% x 64 tháng = 203.776.509 đồng

Công ty HX yêu cầu Tòa án không chấp nhận tất cả các yêu cầu phản tố của ông LH vì cho đến nay hợp đồng lao động giữa Công ty HX và ông LH vẫn đang tồn tại, chưa chấm dứt. Công ty HX vẫn đóng bảo hiểm xã hội cho ông LH. Công ty chỉ tiến hành miễn nhiệm chức giám đốc của ông LH sau khi có làm việc với ông LH về việc không đồng ý đơn xin chấm dứt khoán cá nhân chuyển sang khoán tập thể của ông LH theo biên bản họp ngày 02/8/2010. Theo quy chế tài chính, quy chế nội bộ và Điều lệ của Công ty thì ông LH phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các công nợ của Xí nghiệp.

Tại đơn rút một số yêu cầu khởi kiện ngày 17/10/2019, tại đơn làm rõ nội dung yêu cầu khởi kiện lập ngày 02/11/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu sau:

- Buộc ông LH bàn giao toàn bộ công việc với cương vị từng là giám đốc xí nghiệp cụ thể buộc ông LH đối chiếu công nợ và ký xác nhận biển bản bàn giao về tài chính- kế toán.

- Buộc ông LH phải thanh toán các khoản nợ phải trả cho các nhà cung cấp dịch vụ là 1.178.688.345 đồng gồm:

1. Ga Sóng thần: 40.900.000 đồng
2. Công ty cổ phần Hàng Hải và đầu tư công nghiệp VINASHIN: 25.000.000 đồng.
3. Công ty cổ phần đầu tư – thương mại – dạy nghề Trung Nam Việt: 12.024.285 đồng.
4. Xí nghiệp cơ khí xếp dỡ Sài Gòn: 30.000.000 đồng
5. Công ty cổ phần thương mại và hàng hải Hà Nội: 200.500.000 đồng
6. Công ty TNHH vận tải biển VINATCO: 50.400.000 đồng
7. Công ty TNHH nội thất Tây Cửu Long: 45.125.200 đồng
8. Xí nghiệp DV vận tải và thương mại đường sắt Phía Nam: 606.070.000 đồng
9. Công ty cổ phần vận tải quốc tế Vĩnh Lộc Phát: 77.327.360 đồng.

- Các khoản phải thu của các đối tượng khác tại mục 1 phần I của phụ lục kèm đơn khởi kiện: 4.076.091 đồng

Như vậy, tổng cộng số tiền công ty yêu cầu ông LH bồi thường là 30.124.957.382 đồng (trong đó đã bao gồn tiền lãi là 6.561.961.228 đồng). Ngoài ra Công ty HXkhông có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì:

Hợp đồng khoán kinh doanh số 28/STJC – HĐ giữa cá nhân ông LH và Công ty HXđã được hai bên tiến hành thanh lý vào ngày 30/12/2007. Do đó, không thể buộc ông LH chịu trách nhiệm cá nhân đối với những khoản công nợ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Xí nghiệp dịch vụ vận tải HX Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Xí nghiệp). Hơn nữa, Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty HX nên mặc dù ông LH là giám đốc Xí nghiệp nhưng theo qui định của pháp luật thì ông LH không chịu trách nhiệm thay cho pháp nhân là Công ty gồm những trách nhiệm phát sinh trong giao dịch của Xí nghiệp với Công ty, với các đối tác và người lao động.

Sau khi có Quyết định miễn nhiệm ngày 23/10/2010 (quyết định không có lý do miễn nhiệm), từ ngày 23/10/2010 đến ngày 28/10/2010, ông LH đã bàn giao hết toàn bộ tài sản, công việc, trụ sở, nhân sự, tài liệu kế toán và các tài liệu

khác, các số liệu kế toán cho đoàn đại diện của Công ty HX tiếp nhận bàn giao, các bên đã có biên bản về việc bàn giao.

Ngày 23/12/2010, ông LH cùng với kế toán trưởng của chi nhánh đã bàn giao toàn bộ công nợ phải thu, phải trả và các tài liệu kế toán liên quan của chi nhánh cho công ty cho ông kế toán trưởng của Công ty là ông MD. Trong biên bản này, ông LH đã ghi ý kiến phản đối về việc Công ty ghi trong biên bản ông LH là người nhận khoán cá nhân (ý kiến trên được ghi ở cuối biên bản này). Biên bản bàn giao tài chính do Công ty HX bao gồm tất cả các khoản nợ phải thu, phải trả của chi nhánh công ty hình thành trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh là thuộc quyền và nghĩa vụ giải quyết của chi nhánh công ty vì ông LH thực hiện các giao dịch trên với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của tổng giám đốc, người đứng đầu chi nhánh được công ty bổ nhiệm theo giấy đăng ký kinh doanh. Trong biên bản này, Công ty HX buộc ông LH phải trả cho Công ty các khoản tiền phải bồi thường thiệt hại trong vụ cháy kho Giáp Bát - Hà Nội ngày 06/5/2009 mà Tòa án phúc thẩm Thành Phố Hà Nội đã buộc Công ty HXphải bồi thường theo bản án số 769/2013/HSPT ngày 29/9/2013.

Khoản nợ của ông Nguyễn Phát số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng mà Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên buộc Công ty HX phải trả cho ông Phát theo bản án số 424/2015/DSPT ngày 13/4/2015.

Các khoản tiền đóng thuế, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là nghĩa vụ của Công ty HX đối với người lao động.

Ông LH không nhận khoán cá nhân với Công ty HX kể từ ngày 01/01/2008 đến khi nghỉ việc là ngày 29/11/2010 vì hợp đồng khoán cá nhân ký giữa ông LH và Công ty HX ngày 30/6/2005 đã được thanh lý vào ngày 31/12/2007. Từ đó đến nay các bên không ký hợp đồng khoán cá nhân nào khác.

Công ty gây sức ép với ông LH khi có vụ cháy Giáp Bát xảy ra. Tại biên bản họp ngày 16/10/2009 ghi rõ ông LH phải chịu trách nhiệm về vụ cháy Giáp Bát. Lúc đó ông LH đã ngộ nhận về vai trò khoán cá nhân của mình nhưng sau đó ông LH hiểu rõ đó không phải là khoán cá nhân vì không phù hợp với quy chế khoán công ty. Mặt khác, khoán cá nhân thì lợi nhuận ăn chia như thế nào, trách nhiệm như thế nào, … không thấy đề cập, cũng như không có hồ sơ khoán cá nhân nào của ông LH gửi về công ty vì muốn khoán cá nhân phải có hồ sơ gửi về công ty và được chấp nhận. Ở đây Công ty chỉ có giao kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm cho đơn vị.

Theo đơn phản tố ngày 02/5/2012, ngày 10/12/2013 và ngày 11/12/2013, bị đơn có yêu cầu phản tố như sau:

- Công nhận việc ông LH đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty HXkể từ ngày 29/11/2010 là đúng pháp luật. Ông LH yêu cầu Công ty HXphải thực hiện mọi thủ tục, thanh toán mọi chế độ quy định đối với người lao động cho ông LH khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, các khoản tiền bao gồm:

+ Tiền lương tháng 10 và tháng 11/2010: 11.500.000 đồng x 02 tháng = 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng.

+ Tiền trợ cấp thôi việc cho thời gian công tác 12 năm (tính tròn từ tháng 4/1997 đến hết tháng 12/2008): 12 năm x 11.500.000 đồng x ½ = 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng.

+ Thanh toán toàn bộ trợ cấp thất nghiệp tính từ ngày 01/01/2009 đến thời điểm xét xử, tạm tính đến hết tháng 12/2017 là 08 tháng x 11.500.000 đồng x 60% = 55.200.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn) đồng. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của ông LH là 107 tháng, từ 01/01/2009 đến hết tháng 11/2017.

- Yêu cầu Công ty HXhoàn trả cho ông LH tiền ký quỹ là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/12/2007 và thanh toán tiền lãi của số tiền này kể từ ngày 01/02/2008 cho đến thời điểm xét xử với mức lãi suất là 9%/năm. Tạm tính đến 01/02/2017 là 114 tháng, tổng cộng là: 92.750.000 đồng.

Tổng cộng khoản tiền ở yêu cầu (1) và (2) là 239.950.000 đồng.

- Đóng toàn bộ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo mức lương 11.500.000 đồng/tháng cho đến ngày Công ty thanh toán chế độ cho ông LH.

Sau khi nghỉ ở Công ty HX 01 năm, ông LH có làm riêng nhưng không đóng bảo hiểm xã hội được vì sổ cũ của ông chưa được chốt, phía công ty đang giữ.

Ngoài ra không còn ý kiến và yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố về việc yêu cầu trả số tiền ký quỹ 50 triệu đồng và tiền lãi chậm trả đối với số tiền ký quỹ này, còn lại các yêu cầu phản tố khác giữ nguyên.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 1929/2020/LĐ-ST ngày 26/11/2020 Tòa án nhân dân quận Bình TLH, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 37, 40, 167 Bộ luật lao động 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006.

Căn cứ Pháp lệnh lệ phí án phí 2009;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty HXvề việc yêu cầu ông LH thanh toán số tiền tổng cộng là 30.124.957.382 (Ba mươi tỷ một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi hai) đồng gồm các yêu cầu:

* *Các khoản phí phải trả nội bộ* (người nhận khoán nợ cho Công ty HX):

1. Trả khấu hao tài sản tháng 8/2010: 28.982.000 đồng

2. Trả phí quản lý doanh nghiệp tháng 7/2010, 8/2010: 59.753.832 đồng

3. Trả BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn từ tháng 01/2010 đến tháng 10/2010: 450.867.146 đồng

4. Trả bảo hiểm y tế cá nhân: 2.329.803 đồng

5. Trả nội bộ về thuế: 1.943.775 đồng

6. Tiền thuế đất năm 2009 và 2010: 86.307.894 đồng

7. nộp bù lỗ kinh doanh do nhận khoán cá nhân: 216.003.565 đồng

Tổng cộng: 846.188.015 đồng

***** *Các khoản thanh toán nội bộ* (Công ty và người lao động)

1. Trả người lao động tiền lương tháng 10/2011: 45.712.437 đồng

2. Trả quỹ phúc lợi: 13.036.682 đồng

3. Trả quỹ đầu tư phát triển: 148.533.139 đồng

4. Trả quỹ dự phòng tài chính: 20.803.814 đồng

5. trả thêm cho công ty tiền hỗ trợ nạn nhân vụ cháy: 15.000.000 đồng

Tổng cộng: 243.086.072 đồng

***** Các khoản bồi thường:

1. Tiền xí nghiệp ông LH lấy để bồi thường do hàng bị cháy: 3.229.276.787 đồng

2. Phải thu nợ từ việc ứng trước nhân viên xí nghiệp là ông Huỳnh Lê Trung: 1.181.463.183 đồng

3. Phải thu nợ từ việc ứng trước nhân viên xí nghiệp là bà Phạm Minh Châu: 198.000.000 đồng.

4. Ký quỹ Công ty cổ phần khoáng sản VIGLACERA: 150.000.000 đồng.

5. Các khoản do tính toán, phân bổ theo những lỗi vi phạm chế độ tài chính kế toán và chế độ kế toán

6. Phải trả người bán: 92.372.569 đồng

7. Khách vãng lai: 1.031069 đồng

* Các khoản nợ phải thu sau:

1. Nợ từ Công ty cổ phần vận chuyển Châu á Cát Linh: 126.050.000 đồng

2. Nợ từ Công ty TNHH dịch vụ giao nhận hành hóa xuất nhập khẩu Hưng Thịnh V.N: 582.212.332 đồng

3. Nợ từ Công ty TNHH vận tải dịch vụ Cường Thịnh: 11.000.000 đồng

4. Công ty TNHH thương mại quốc tế Thùy Linh: 27.213.525 đồng

5. Nợ từ Chi nhánh công ty cổ phần dịch vụ vận tải đường sắt: 6.508.588 đồng

6. Nợ từ Công ty cổ phần khoáng sản VIGLACERA: 30.000.000 đồng

7. Nợ từ Công ty TNHH vận tải Thành Danh: 289.278.596 đồng

8. Nợ từ xí nghiệp dịch vụ vận tải và thương mại đường sắt Hà Nội: 38.602.500 đồng

9. Nợ từ Công ty Philip Morris Việt Nam S.A-CN Việt Nam: 440.000 đồng

10. Nợ từ Công ty TNHH thương mại phát triển công nghệ Hoa Hướng Dương: 104.700.000 đồng,

11. Nợ từ cổ phần dịch vụ thương mại vận tải Lộc Phú: 104.700.000 đồng

* Các khoản nợ phải trả cho bên thứ 3:

1. Nợ Công ty TNHH thương mại cơ khí Tân Thanh (trả vào ngày 10/6/2013): 91.341.500 đồng.

2. Bồi thường nạn nhân vụ cháy là ông Phạm Mạnh Thái, tiền do bà Phạm Thị Huệ nhận vào ngày 08/01/2014: 219.000.000 đồng và Bồi thường nạn nhân vụ cháy là ông Nguyễn văn Hoàng, tiền do ông Đặng văn Hiến nhận vào ngày 21/02/2014: 243.000.000 đồng.

3. Trả nợ vốn vay ông Nguyễn Phát theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố ngày 13/4/2015: 1.000.000.000 đồng và Lãi vay ông Nguyễn Phát theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2015: 411.000.000 đồng.

4. Trả Công ty cổ phần Siêu Thanh vào ngày 13/5/2015 theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội: 70.035.891 đồng

5. Yêu cầu về lãi từ các khoản trên là 6.561.961.228 đồng.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty HXđối với ông LH, gồm:

- Rút yêu cầu buộc ông LH bàn giao toàn bộ công việc với cương vị từng là giám đốc xí nghiệp cụ thể buộc ông LH đối chiếu công nợ và ký xác nhận Biên bản bàn giao về tài chính – kế toán

- Rút yêu cầu buộc ông LH phải thanh toán cho công ty Sài Gòn HX, gồm các khoản phải thu tại mục 1 phần 1 phụ lục – phải trả cho người bán:

+ Ga Sóng thần: 40.900.000 đồng

+ Công ty cổ phần Hàng Hải và đầu tư công nghiệp VINASHIN: 25.000.000 đồng.

+ Công ty cổ phần đầu tư – thương mại – dạy nghề Trung Nam Việt: 12.024.285 đồng.

+ Xí nghiệp cơ khí xếp dỡ Sài Gòn: 30.000.000 đồng

+ Công ty cổ phần thương mại và hàng hải Hà Nội: 200.500.000 đồng

+ Công ty TNHH vận tải biển VINATCO: 50.400.000 đồng

+ Công ty TNHH nội thất Tây Cửu Long: 45.125.200 đồng

+ Xí nghiệp DV vận tải và thương mại đường sắt Phía Nam: 606.070.000 đồng

+ Công ty cổ phần vận tải quốc tế Vĩnh Lộc Phát: 77.327.360 đồng

3/ Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn buộc Công ty HXthanh toán trợ cấp thôi việc, trợ cấp thất nghiệp do hết thời hiệu khởi kiện.

4/ Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông LH đối với Công ty HXvề việc yêu cầu trả số tiền ký quỹ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu) và tiền lãi phát sinh của số tiền này.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự, quyền kháng nghị của Viện kiểm sát và việc thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn - Công ty HXkháng cáo một phần bản án lao động sơ thẩm Số 1929/2020/LĐ-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình TLH, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**:

Nguyên đơn nộp bản sao Sổ Bảo hiểm xã hội của ông LH, Bản sao Biên bản làm việc về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động lập ngày 19/11/2020; Công văn Số 383/STJC về việc giải trình trường hợp tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ,BNN của ông LH. Bị đơn nộp bản photo quá trình nộp bảo hiểm xã hội của ông LH.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn rút yêu cầu phản tố đối với các yêu cầu sau: Công nhận việc ông LH đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động Số 26/HĐLĐ-STJC ngày 27/5/2005 ký kết giữa ông LH và Công ty cổ phần Sài Gòn HX, yêu cầu buộc Công ty HX trả tiền lương tháng 10

và tháng 11 năm 2010, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm , bảo hiểm thất nghiệp cho đến ngày Công ty HX thanh toán hết chế độ cho ông LH.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày*:

Trước và cả sau khi nghỉ việc, ông LH đã nhiều lần thừa nhận có nhận khoán cá nhân đối với Công ty HX và cam kết sẽ có nghĩa vụ thu hồi và giải quyết các công nợ còn tồn đọng trong thời gian ông LH làm giám đốc xí nghiệp dịch vụ vận tải HX Sài Gòn. Tuy nhiên, khi ông LH nghỉ việc ông LH không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với Công ty HX. Thiệt hại của Công ty HX có nguyên nhân trực tiếp từ việc ông LH quản lý, điều hành xí nghiệp dịch vụ vận tải HX sài Gòn không trung thực, cẩn trọng thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ Công ty đã giao nộp tại Tòa cấp sơ thẩm. Ông LH là người nhận khoán cá nhân đối với Công ty HX. Do đó, theo quy chế khoán của Công ty HX thì ông LH phải chịu hoàn toàn và đền bù thiệt hại cho công ty nếu gây thiệt hại và khi không tiếp tục nhận khoán nữa thì ông LH phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi vấn đề liên quan đến thời kỳ nhận khoán. Trường hợp bị đơn không nhận khoán cá nhân thì theo quy chế tổ chức Công ty và Quy chế tài chính của Công ty thì giám đốc xí nghiệp là ông LH cũng phải chịu trách nhiệm hoàn toàn việc thanh toán nợ phải thu, phải trả trong phạm vi đơn vị mình, chịu trách nhiệm cao nhất và phải trực tiếp chịu đền bù thiệt hại sản xuất kinh doanh xảy ra tại xí nghiệp về mặt hành chính, tài chính và pháp luật trong thời gian ông LH quản lý xí nghiệp.

Biên bản thanh lý hợp đồng khoán cá nhân chỉ mang tính hình thức, được lập ra chỉ để giải quyết vấn đề thuế của công ty Sài Gòn HX, không phản ánh ý chí đích thực của các bên vì trên thực tế ông LH vẫn tiếp tục thực hiện việc giao khoán cá nhân với Công ty HX . Giữa các bên không kiểm kê giao nhận vốn và tài sản, thanh toán công nợ giữa hai bên và các việc liên quan khác bằng văn bản. Biên bản thanh lý chỉ là tạm ngưng thực hiện hợp đồng giao khoán kinh doanh chứ không phải là ngưng hợp đồng giao khoán.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền là 30.124.957.382 đồng (trong đó đã bao gồn tiền lãi là 6.561.961.228 đồng). Đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút tại cấp sơ thẩm và yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn không kháng cáo và không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại. Đối với các yêu cầu phản tố bị đơn rút tại phiên tòa phúc thẩm thì phía nguyên đơn đồng ý.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày*:

Ông LH không nhận khoán cá nhân với Công ty HXkể từ ngày 01/01/2008 đến khi nghỉ việc là ngày 29/11/2010 vì hợp đồng khoán cá nhân ký giữa ông LH và Công ty HXngày 30/6/2005 đã được thanh lý vào ngày 31/12/2007. Từ

đó đến nay các bên không ký hợp đồng khoán cá nhân nào khác. Do đó, không thể buộc ông LH chịu trách nhiệm cá nhân đối với những khoản công nợ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Xí nghiệp dịch vụ vận tải HX Sài Gòn. Hơn nữa, Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty. Ông LH thực hiện các giao dịch với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của tổng giám đốc, người đứng đầu chi nhánh được công ty bổ nhiệm theo giấy đăng ký kinh doanh. Vì thế theo qui định của pháp luật thì ông LH không chịu trách nhiệm thay cho pháp nhân là Công ty gồm những trách nhiệm phát sinh trong giao dịch của Xí nghiệp với Công ty, với các đối tác và người lao động, v.v.v. Các khoản tiền đóng thuế, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là nghĩa vụ của Công ty HXđối với người lao động.

Mặt khác, nếu là khoán cá nhân thì lợi nhuận ăn chia như thế nào, trách nhiệm như thế nào, … không thấy đề cập, cũng như không có hồ sơ khoán cá nhân nào của ông LH gửi về công ty vì muốn khoán cá nhân phải có hồ sơ gửi về công ty và được chấp nhận. Ở đây Công ty chỉ có giao kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm cho xí nghiệp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát kiểu ý kiến*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm

- Về yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm Số 1929/2020/LĐ-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình TLH, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu phản tố bị đơn đã rút tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn: Đơn kháng cáo của Công ty HXtrong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn - Công ty HX

Ngày 27/5/2005 Công ty HX(Gọi tắt là Công ty HX) và ông LH ký hợp đồng lao động Số 26/HĐLĐ-STJC, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, chức danh chuyên môn: Giám đốc đơn vị. Ngày 03/4/2006, Tổng giám đốc Công ty HX ban hành quyết định Số 339/QĐ-STJC bổ nhiệm ông LH giữ chức danh giám đốc xí nghiệp dịch vụ vận tải HX Sài Gòn, tiền lương được hưởng theo quy định hiện hành của Công ty, ông LH có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của giám đốc đơn vị theo điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty HX, các quy chế của Hội đồng quản trị, chỉ thị của Tổng giám đốc để hoạt động có hiệu quả, hoàn thành kế hoạch được giao.

Ngày 30/6/2005 ông LH và Công ty HX ký hợp đồng khoán kinh doanh Số 28/STJC-HĐ, thời hạn khoán kinh doanh từ ngày 01/7/2005 đến hết ngày 31/12/2008. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2007 hai bên đã lập biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán kinh doanh số 28/STJC-HĐ.

Xét Biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán kinh doanh số 28/STJC-HĐ ngày 31/12/2007 có nội dung: Công ty HX và ông LH thống nhất thanh lý hợp đồng khoán kinh doanh Số 28/STJC-HĐ ngày 30/6/2005, bên nhận khoán có nghĩa vụ thanh toán cho bên giao khoán dứt điểm các khoản nợ còn tồn đọng, giải quyết các khoản công nợ với bên ngoài còn tồn đọng do phát sinh trong thời gian nhận khoán, tự nhận lại toàn bộ tài sản do cá nhân tự mua sắm, trang bị không bằng nguồn từ chi phí của đơn vị. Ông LH-nguyên là người nhận khoán, đang là người đứng đầu chi nhánh tiếp nhận toàn bộ hiện trạng tài chính và tài sản của chi nhánh tại ngày 31/12/2007 (có nêu danh sách cụ thể). Việc tiếp nhận hiện trạng tài chính và tài sản của Biên bản thanh lý được thay thế cho biên bản bàn giao. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, Công ty HX chỉ yêu cầu ông LH giải quyết các vấn đề liên quan đến Xí nghiệp dịch vụ vận tải HX Sài Gòn từ thời điểm tháng 01/2008 đến ngày 29/11/2010. Như vậy, đã đủ cơ sở để HĐXX xác định từ ngày 31/12/2007, giữa nguyên đơn và bị đơn đã chấm dứt hợp đồng giao khoán kinh doanh cá nhân số 28/STJC-HĐ ngày 30/6/2005 như nhận định của Tòa sơ thẩm là có căn cứ. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty HX cho rằng giữa các bên không kiểm kê giao nhận vốn và tài sản, thanh toán công nợ giữa hai bên và các việc liên quan khác bằng văn bản. Biên bản thanh lý chỉ là tạm ngưng thực hiện hợp đồng giao khoán kinh doanh chứ không phải là ngưng hợp đồng giao khoán không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều xác định từ thời điểm 01/01/2008 trở về sau giữa hai bên không có ký kết các văn bản với tên gọi "Hợp đồng giao khoán kinh doanh" nào khác.

Phía nguyên đơn cho rằng Biên bản thanh lý hợp đồng khoán cá nhân chỉ mang tính hình thức, được lập ra chỉ để giải quyết vấn đề thuế của Công ty HX, không phản ánh ý chí đích thực của các bên vì trên thực tế từ ngày 01/01/2008, giữa Công ty HX và ông LH vẫn thực hiện việc giao khoán kinh doanh cá nhân thể hiện bằng Biên bản giao nhận thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từng

năm. Đồng thời, ông LH đã thừa nhận có việc giao khoán kinh doanh cá nhân này thể hiện tại các báo cáo, văn bản gửi Tổng giám đốc vào ngày 30/7/2010, biên bản họp ngày 02/8/2010, văn bản đề nghị bàn giao công tác ngày 12/10/2010... . Do đó, ông LH phải chịu trách nhiệm với tất cả các thiệt hại, các công nợ phát sinh trong thời gian ông nhận khoán cá nhân. Phía bị đơn cho rằng đã "ngộ nhận" về trách nhiệm là người nhận khoán cá nhân do hoàn cảnh phức tạp sau vụ cháy, thường xuyên làm việc với công an nên đã có lời lẽ nhận trách nhiệm khoán kinh doanh cá nhân tại các văn bản mà nguyên đơn nêu. Hội đồng xét xử nhận thấy: Điều 2 Quy chế khoán kinh doanh ngày 09/5/2005 qui định về thủ tục nhận khoán phải có " Đơn xin nhận khoán" và " việc giao khoán được thể hiện cụ thể thông qua Hợp đồng khoán kinh doanh…". Điều 6 của Quy chế khoán kinh doanh quy định sau khi kết thúc giao nhận khoán nếu có nhu cầu tiếp tục ký tiếp hợp đồng khoán kinh doanh thì phải nộp hồ sơ như Điều 2 của Quy chế khoán kinh doanh. Điều 24 Quy chế tổ chức Công ty cổ phần DVDL đường sắt Sài Gòn ngày 04/01/2005 qui định khoán kinh doanh tập thể và khoán kinh doanh cá nhân "…phải tuân thủ theo hợp đồng giao khoán kinh doanh đã ký với TGĐ công ty,…". Như vậy, theo quy định của Công ty thông qua các Quy chế thì việc giao nhận khoán kinh doanh dù ở hình thức nào cũng phải tuân thủ thủ tục nhận khoán bắt buộc: Người nhận khoán có đơn xin nhận khoán, ký kết hợp đồng giao khoán kinh doanh và qui định quyền, nghĩa vụ cụ thể trong hợp đồng giao khoán kinh doanh bằng văn bản.

Căn cứ nội dung Biên bản giao nhận thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh số 491/BB-STJC ngày 01/01/2008, Quyết định giao sản xuất kinh doanh năm 2009 số 344/STJC – QĐ-KH ngày 05/01/2009 và Quyết định giao sản xuất kinh doanh năm 2010 số 34/STJC – QĐ-KH ngày 20/01/2010 cho Xí Nghiệp dịch vụ vận tải HX Sài Gòn (không phải cá nhân ông LH). Tại khoản 1.2 Điều 1, Điều 2 Biên bản giao kế hoạch năm 2008 đã thể hiện "Chi nhánh là đơn vị trực thuộc công ty, hạch toán phụ thuộc công ty. Hàng năm, công ty giao kế hoạch kinh doanh cho chi nhánh bằng các chỉ tiêu cụ thể, Giám đốc chi nhánh căn cứ vào kế hoạch, được quyền chủ động,…, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật đối với những sai phạm do chủ quan gây ra;…..". Giám đốc xí nghiệp chỉ được ký hợp đồng thời vụ, thử việc tại chi nhánh. "chịu trách nhiệm mọi hoạt động của chi nhánh trước Công ty và pháp luật ... do lỗi chủ quan gây ra". Như vậy, điều khoản xác định chủ thể thực hiện kế hoạch là Xí nghiệp và giám đốc xí nghiệp chỉ chịu trách nhiệm đối với lỗi chủ quan. Ông LH chỉ được hưởng quyền lợi khi đạt được các chỉ tiêu do công ty đề ra, tiết kiệm chi phí, tăng sản lượng, tăng năng suất, nộp vượt kế hoạch sẽ được Công ty "Xét thưởng" Quyết định giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 và năm 2010 cũng chỉ quy định đơn vị thực hiện vượt mức kế hoạch thì sẽ được xem xét khen thưởng mà không quy định cụ thể mức thưởng hay tỷ lệ lợi nhuận được hưởng của mỗi bên (Bên khoán và bên nhận khoán) như quy định trong quy chế khoán kinh doanh của Công ty.

Căn cứ Quyết định bổ nhiệm Số 339/QĐ-STJC ngày 03/4/2006; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Số: 4113017265, đăng ký lần đầu ngày 25/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/03/2006, Ông LH chỉ là người đứng đầu chi nhánh, hoạt động theo ủy quyền của Công ty HXvà Chi nhánh hoạt động theo chế độ hạch toán phụ thuộc Công ty HX. Toàn bộ ban giám đốc và nhân viên làm việc tại chi nhánh đều do công ty tuyển dụng, trả lương. Các trang thiết bị tại chi nhánh, kể cả do chi nhánh mua sắm đều thuộc sở hữu của công ty.

Do đó, Tòa sơ thẩm xác định ông LH chỉ có quyền hạn, trách nhiệm của một người lao động, làm công ăn lương giữ chức vụ giám đốc đơn vị và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông LH phải chịu trách nhiệm hoàn toàn và đền bù thiệt hại cho công ty về mọi vấn đề liên quan đến thời kỳ nhận khoán từ tháng 01/2008 đến ngày 29/11/2010 với tư cách là người nhận khoán kinh doanh cá nhân là có cơ sở.

Đối với trách nhiệm bồi thường của ông LH theo hợp đồng lao động với cương vị là giám đốc quản lý, điều hành xí nghiệp thời gian từ tháng 01 năm 2008 đến ngày 29 tháng 11 năm 2010. Căn cứ Điều 90, 91 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, Thông tư 19/2003/TT-BLĐTBXH (qui định tại Phần V) đối với trường hợp có hợp đồng trách nhiệm thì bồi thường theo hợp đồng trách nhiệm; trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn được coi là nguyên nhân bất khả kháng; đồng thời việc xem xét quyết định bồi thường thiệt hại phải căn cứ vào hành vi vi phạm, lỗi, thiệt hại thực tế và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế xảy ra. Hợp đồng lao động số 26/HĐLĐ-STJC được ký kết giữa ông LH và Công ty HX không nêu trách nhiệm vật chất, đồng thời , trong quá trinh làm việc tại Công ty HX giữa ông LH và Công ty HX chưa từng ký kết hợp đồng trách nhiệm nên trách nhiệm vật chất theo chức vụ của ông LH căn cứ vào mức độ thiệt hại do lỗi chủ quan của ông LH. Trong quá trình giải quyết vụ án từ sơ thẩm đến phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh lỗi chủ quan trong quản lý điều hành xí nghiệp của ông LH. Nguyên đơn chỉ cung cấp các tài liệu sổ sách kế toán do xí nghiệp giao lại và xác định nguyên đơn không thể trình bày rõ ràng, cụ thể và tách bạch chi tiết vì không nắm được. Các yêu cầu bồi thường thiệt hại nguyên đơn chỉ nêu rất chung chung, không cụ thể thời điểm, căn cứ phát sinh thiệt hại, khấu hao tài sản cụ thể nào, mức căn cứ tính khấu hao, tính từ thời điểm nào; các loại phí BHXH, BHYT, thuế cũng không thể hiện cụ thể danh sách phải thực hiện BHXH, BHYT, mức thuế, … các yêu cầu chỉ là tổng số tiền yêu cầu bồi thường cho từng khoản mà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc số tiền yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường. Tài liệu, chứng cứ cho các khoản bồi thường dựa vào các số liệu, giấy tờ do sổ sách kế toán từ Xí nghiệp bàn giao nhưng các thủ tục kế toán chưa được kiểm toán, không đảm bảo qui định pháp luật. Trong giai đoạn phúc thẩm nguyên đơn cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp tại cấp sơ thẩm. Phía bị đơn- ông LH không thừa nhận lỗi chủ quan của mình trong

việc điều hành quản lý xí nghiệp. Do đó Tòa sơ thẩm không buộc trách nhiệm bồi thường của ông LH đối với các khoản phí phải trả nội bộ với tư cách người nhận khoán nợ cho Công ty HX (7 khoản) ; các khoản thanh toán nội bộ giữ Công ty HX và người lao đông (5khoản); các khoản bồi thường (5 khoản) là có cơ sở.

Đối Với yêu cầu buộc ông LH bồi thường các khoản nợ phải thu khách hàng (nợ từ 11 công ty) . Ông LH đã bị miễn nhiệm chức danh giám đốc xí nghiệp, chỉ là người lao động của công ty, ông LH không có thẩm quyền đại diện Công ty HX thu hồi công nợ, Việc thu hồi nợ đối với khách hàng là quyền và nghĩa vụ của Công ty HX. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông LH bồi thường các khoản nợ phải thu là không có cơ sở.

Đối với vụ cháy tại Ga Giáp Bát, bồi thường các nạn nhân vụ cháy đã có bản án hình sự Số 769/2013/HSPT ngày 29/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật. Bản án nêu rõ lỗi không thuộc về ông LH. Mặt khác, Công ty HX cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh lỗi thuộc về ông LH nên Cấp sơ thẩm không buộc trách nhiệm bồi thường đối với ông LH là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả nợ vốn vay và lãi vay ông Nguyễn Phát theo bản án phúc thẩm Số 424/2015/DS-PT ngày 13/4/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định: Công ty HX cho rằng ông LH đã lợi dụng danh nghĩa và con dấu của xí nghiệp để tự ý vay tiền với tư cách cá nhân, không có sự chấp thuận của công ty nên ông LH phải chịu trách nhiệm thanh toán là không có cơ sở (trang 8) do đó, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu bị đơn trả Công ty cổ phần Siêu Thanh 70.035.891 đồng : Tại Bản án phúc thẩm ngày 13/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xác định thuộc trách nhiệm của Công ty HX, không phải trách nhiệm của ông LH. Công ty HX không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh lỗi chủ quan của ông LH nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền là 30.124.957.382 đồng (trong đó đã bao gồn tiền lãi là 6.561.961.228 đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

Các yêu cầu khởi kiện còn lại nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn không có kháng cáo và kháng nghị thì Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn rút yêu cầu phản tố đối với các yêu cầu sau: Công nhận việc ông LH đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động Số 26/HĐLĐ-STJC ngày 27/5/2005 ký kết giữa ông LH và Công ty cổ phần Sài Gòn HX, yêu cầu buộc Công ty HX trả tiền lương tháng 10 và tháng 11 năm 2010, nộp bảo hiểm xã

hội, bảo hiểm, bảo hiểm thất nghiệp cho đến ngày Công ty HX thanh toán hết chế độ cho ông LH . Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quuyết các yêu cầu này của bị đơn, sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm Số 1929/2020/LĐ-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án quận Bình TLH.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm Số 1929/2020/LĐ-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án quận Bình TLH đối với phần yêu cầu phản tố bị đơn đã rút tại phiên tòa cấp phúc thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí lao động sơ thẩm:

- Ông LH không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

- Công ty cổ phần HX Sài Gòn phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu buộc ông LH bồi thường số tiền 30.124.957.382 đồng không được tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật là 72.124.957 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.470.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án Số AD/2010/09099 ngày 25/11/2011 và 22.290.013 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án Số AA/2014/0009942 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình TLH, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần HX Sài Gòn còn phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 35.364.94 (Ba mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng. Tòa sơ thẩm chỉ buộc Công ty cổ phần HX Sài Gòn nộp án phí lao động sơ thẩm 21.578.061 đồng là không chính xác. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần này của bản án sơ thẩm.

- Về án phí lao động phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty HXkhông phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37, 40, 167 Bộ luật lao động 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006.

Căn cứ Pháp lệnh lệ phí án phí 2009;

Căn cứ vào Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH-NQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn - Công ty cổ phần Sài Gòn HX. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm Số 1929/2020/LĐ-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án quận Bình TLH, Thành phố Hồ Chí Minh

1/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty HXvề việc yêu cầu ông LH thanh toán số tiền tổng cộng là 30.124.957.382 (Ba mươi tỷ một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi hai) đồng gồm các yêu cầu:

***** *Các khoản phí phải trả nội bộ* (người nhận khoán nợ cho Công ty HX):

- Trả khấu hao tài sản tháng 8/2010: 28.982.000 đồng

- Trả phí quản lý doanh nghiệp tháng 7/2010, 8/2010: 59.753.832 đồng

- Trả BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn từ tháng 01/2010 đến tháng 10/2010: 450.867.146 đồng

- Trả bảo hiểm y tế cá nhân: 2.329.803 đồng

- Trả nội bộ về thuế: 1.943.775 đồng

- Tiền thuế đất năm 2009 và 2010: 86.307.894 đồng

- Nộp bù lỗ kinh doanh do nhận khoán cá nhân: 216.003.565 đồng

Tổng cộng: 846.188.015 đồng

***** *Các khoản thanh toán nội bộ* (Công ty và người lao động)

- Trả người lao động tiền lương tháng 10/2011: 45.712.437 đồng

- Trả quỹ phúc lợi: 13.036.682 đồng

- Trả quỹ đầu tư phát triển: 148.533.139 đồng

- Trả quỹ dự phòng tài chính: 20.803.814 đồng

- trả thêm cho công ty tiền hỗ trợ nạn nhân vụ cháy: 15.000.000 đồng

Tổng cộng: 243.086.072 đồng

***** Các khoản bồi thường:

- Tiền xí nghiệp ông LH lấy để bồi thường do hàng bị cháy: 3.229.276.787 đồng

- Phải thu nợ từ việc ứng trước nhân viên xí nghiệp là ông Huỳnh Lê Trung: 1.181.463.183 đồng

- Phải thu nợ từ việc ứng trước nhân viên xí nghiệp là bà Phạm Minh Châu: 198.000.000 đồng.

- Ký quỹ Công ty cổ phần khoáng sản VIGLACERA: 150.000.000 đồng.

- Các khoản do tính toán, phân bổ theo những lỗi vi phạm chế độ tài chính kế toán và chế độ kế toán

- Phải trả người bán: 92.372.569 đồng

- Khách vãng lai: 1.031069 đồng

* Các khoản nợ phải thu:

- Công ty cổ phần vận chuyển Châu á Cát Linh: 126.050.000 đồng

- Công ty TNHH dịch vụ giao nhận hành hóa xuất nhập khẩu Hưng Thịnh V.N: 582.212.332 đồng

- Công ty TNHH vận tải dịch vụ Cường Thịnh: 11.000.000 đồng

- Công ty TNHH thương mại quốc tế Thùy Linh: 27.213.525 đồng

- Chi nhánh công ty cổ phần dịch vụ vận tải đường sắt: 6.508.588 đồng

- Công ty cổ phần khoáng sản VIGLACERA: 30.000.000 đồng

- Công ty TNHH vận tải Thành Danh: 289.278.596 đồng

- Xí nghiệp dịch vụ vận tải và thương mại đường sắt Hà Nội: 38.602.500 đồng

- Công ty Philip Morris Việt Nam S.A-CN Việt Nam: 440.000 đồng

- Công ty TNHH thương mại phát triển công nghệ Hoa Hướng Dương: 104.700.000 đồng,

- Công ty cổ phần dịch vụ thương mại vận tải Lộc Phú: 104.700.000 đồng

* Các khoản nợ phải trả cho bên thứ 3:

- Nợ Công ty TNHH thương mại cơ khí Tân Thanh (trả vào ngày 10/6/2013): 91.341.500 đồng.

- Bồi thường nạn nhân vụ cháy là ông Phạm Mạnh Thái, tiền do bà Phạm Thị Huệ nhận vào ngày 08/01/2014: 219.000.000 đồng và Bồi thường nạn nhân vụ cháy là ông Nguyễn văn Hoàng, tiền do ông Đặng văn Hiến nhận vào ngày 21/02/2014: 243.000.000 đồng.

- Trả nợ vốn vay ông Nguyễn Phát theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố ngày 13/4/2015: 1.000.000.000 đồng và Lãi vay ông Nguyễn Phát theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2015: 411.000.000 đồng.

- Trả Công ty cổ phần Siêu Thanh vào ngày 13/5/2015 theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội: 70.035.891 đồng

* Yêu cầu về tiền lãi từ các khoản trên là 6.561.961.228 đồng.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty HXđối với ông LH, gồm:

- Yêu cầu buộc ông LH bàn giao toàn bộ công việc với cương vị từng là giám đốc xí nghiệp cụ thể buộc ông LH đối chiếu công nợ và ký xác nhận Biên bản bàn giao về tài chính – kế toán

- Yêu cầu buộc ông LH phải thanh toán cho công ty cổ phần Sài Gòn HX, gồm:

_ Các khoản phải thu tại mục 1 phần 1 của phụ lục kèm đơn khởi kiện: 4.076.091 đồng

– phải trả cho người bán gồm:

+ Ga Sóng thần: 40.900.000 đồng

+ Công ty cổ phần Hàng Hải và đầu tư công nghiệp VINASHIN: 25.000.000 đồng.

+ Công ty cổ phần đầu tư – thương mại – dạy nghề Trung Nam Việt: 12.024.285 đồng.

+ Xí nghiệp cơ khí xếp dỡ Sài Gòn: 30.000.000 đồng

+ Công ty cổ phần thương mại và hàng hải Hà Nội: 200.500.000 đồng

+ Công ty TNHH vận tải biển VINATCO: 50.400.000 đồng

+ Công ty TNHH nội thất Tây Cửu Long: 45.125.200 đồng

+ Xí nghiệp DV vận tải và thương mại đường sắt Phía Nam: 606.070.000 đồng

+ Công ty cổ phần vận tải quốc tế Vĩnh Lộc Phát: 77.327.360 đồng

3/ Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn buộc Công ty HXthanh toán cho ông LH tiền trợ cấp thôi việc, trợ cấp thất nghiệp do hết thời hiệu khởi kiện.

4/ Đình chỉ các yêu cầu phản tố của ông LH đối với Công ty HXgồm:

- Yêu cầu Công ty HXTrả cho ông LH số tiền ký quỹ 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh của số tiền này.

- Yêu cầu công nhận việc ông LH đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động Số 26/HĐLĐ-STJC ngày 27/5/2005 ký kết giữa ông LH và Công ty HXlà đúng pháp luật.

- Yêu cầu buộc Công ty HXtrả cho ông LH tiền lương tháng 10 và tháng 11 năm 2010.

- Yêu cầu buộc Công ty HXnộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm, bảo hiểm thất nghiệp cho đến ngày Công ty HX thanh toán hết chế độ cho ông LH.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5/. Về án phí

5.1. Án phí lao động sơ thẩm :

- Công ty HXphải chịu án phí lao động sơ thẩm là 72.124.957 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.470.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án Số AD/2010/09099 ngày 25/11/2011 và 22.290.013 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án Số AA/2014/0009942 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình TLH, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty HXcòn phải nộp tiền án phí lao động sơ

thẩm là 35.364.940 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng.

- Ông LH không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Ông LH được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí lao động sơ thẩm đã nộp là 1.192.500 đồng (Một triệu một trăm chín mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 01768 ngày 13/12/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình TLH.

5.2. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty HXkhông phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty HXsố tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án Số AA/2019/0088859 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình TLH, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự quận Bình TLH;
- Tòa án nhân dân quận Bình TLH;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thoa